TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2018
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Bân
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông: Nguyễn Hùng Cường
+ Bà: Điểu Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Đỗ Minh T, sinh năm: 1983 (có mặt)
2. **Bị đơn:** chị Đoàn Thị T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn T2, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đoàn Thị T có tổ chức lễ cưới, sau đó về chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/05 ngày 06/12/2005. Từ khi kết hôn và về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, anh và chị T hiện nay đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh T yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: anh T và chị T đã có với nhau 02(hai) người con chung tên Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 29/12/2006 và Đỗ Minh T2, sinh ngày 19/12/2014. Các con

hiện nay đang sống chung với chị T, hiện chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, gần gũi các con hơn nên anh T yêu cầu Tòa án giao các con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi người con 2.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đoàn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi N vụ liên quan, người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và N vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh Đỗ Minh T và chị Đoàn Thị T được ly hôn với nhau. Giao 02 người con cung là Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 29/12/2006 và Đỗ Minh T2, sinh ngày 19/12/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến các con trưởng thành, anh T có N vụ cấp dưỡng 02 người con mỗi người 2.500.000đ/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động được. Về tài sản chung, nợ chung anh T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Minh T thuộc trường hợp *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị Đoàn Thị T theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để làm rõ quan hệ tài sản, tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn,

vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

Quan hệ hôn nhân: anh T và chị Đoàn Thị T có tổ chức lễ cưới, sau đó về chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/05 ngày 06/12/2005. Từ khi kết hôn và về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, anh T và chị T hiện nay đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2018 cho đến cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm, không còn tin tưởng lẫn nhau, giữa hai bên không thể hàn gắn với nhau, không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân làm cho cuộc sống vợ chồng, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mẫu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua làm việc với Ban điều hành ấp Thanh Sơn, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp ông Hoàng Văn T cho biết hiện nay anh T và chị T không còn sống chung với nhau, đồng thời qua làm việc việc với mẹ ruột của anh T là bà Huỳnh Thị N cũng cho biết vào khoảng tháng 3 năm 2018 thì giữa T và T có xảy ra to tiếng với nhau nguyên nhân không biết từ đâu, hiện nay anh T hay đi làm ăn xa ít khi về nhà.

Tại phiên tòa anh T vẫn cưỡng quyết yêu cầu ly hôn với T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T với chị T.

Về con chung: anh T và chị T đã có với nhau 02(hai) người con chung tên Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 29/12/2006 và Đỗ Minh T2, sinh ngày 19/12/2014. Tại phiên tòa anh T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi người con 2.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động được. Tại biên bản xác minh ngày 11 tháng 7 năm 2018 ông Hoàng Văn T cho biết 02 người con của anh T và chị T hiện đang sống chung với chị T, chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, anh T thường đi làm ăn xa ít khi ở nhà đối chiếu với lời khai của bà Huỳnh Thị N (mẹ ruột anh T) tại Biên bản làm việc ngày 11 tháng 7 năm 2018 là phù hợp với nhau, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi ở nhà việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là không đủ điều kiện để các con phát triển bình thường cần giao 02 người con của anh T và chị T cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi người con 2.500.000đ/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, xét đây là sự tự nguyện của anh T, HĐXX cần chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 235, 266, 271 và273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Đỗ Minh T: anh Đỗ Minh T được ly hôn với chị Đoàn Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 29/12/2006 và Đỗ Minh T2, sinh ngày 19/12/2014 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, anh T có N vụ cấp dưỡng 02 người con mỗi người 2.500.000đ/tháng đến khi các con trưởng thành. Anh T có quyền được đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Đỗ Minh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016910 ngày 09/5/2018, số tiền còn lại anh T phải nộp đầy đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kệ từ ngày bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Ngọc Bân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND thị trấn Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.